

Số: 11.46./QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng tại xã Nghĩa Thành,
huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 330/QĐ-UBND ngày
17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng tại xã Nghĩa Thành, huyện
Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu họp ngày 18 tháng 3 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân
cư Lan Anh 7 mở rộng tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 40/VBGTĐTM đề ngày 30
tháng 03 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Lan Anh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
21.43./TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng do Công ty TNHH MTV Lan Anh làm Chủ

đầu tư dự án (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty TNHH MTV Lan Anh - Chủ đầu tư dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(7)



Nguyễn Công Vinh



Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số 1146. QĐ-UBND ngày 28. tháng 11... năm 2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng.

(Tên thương mại: Khu dân cư Lan Anh 7B)

1.2. Chủ dự án

Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Lan Anh.

Địa chỉ liên hệ: Số 01, đường Võ Văn Kiệt, ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254.3742921.

Người đại diện: Nguyễn Nam Phương; Chức danh: Tổng giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án

Đầu tư xây dựng Khu dân cư Lan Anh 7 mở rộng tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích khoảng 131.522 m², quy mô dân số khoảng 2.268 người.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

1.4.1. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu ở	73.394	55,80
2	Đất giao thông chính	45.344	34,48
3	Đất công viên cây xanh	12.784	9,72
	Tổng	131.522	100

1.4.2. Các hạng mục công trình chính của dự án

STT	Tên hạng mục	Khối lượng theo thiết kế	Ghi chú
Hạng mục công trình chính			
01	San nền	240.927,54m ³	
02	Hạng mục đường giao thông	3.528,4m	
03	Cấp nước toàn khu	4.981m ống cấp nước HDPE	

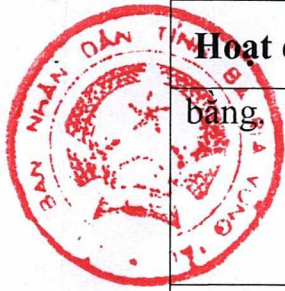
STT	Tên hạng mục	Khối lượng theo thiết kế	Ghi chú
04	Hạng mục cấp điện toàn khu	2 trạm biến áp 630kVA xây dựng mới và đường dây ngầm cấp điện dài 1.640MD	
05	Hệ thống chiếu sáng	130 bộ đèn LED, trụ cao 8m. Cấp cấp điện dài 1.640MD	
06	Chung cư thu nhập thấp	07 tầng (01 tầng bán hầm + 06 tầng nổi); 68 căn	
07	Nhà ở xã hội liên kế	1 trệt + 1 lầu (bê tông cốt thép); 97 căn	
Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
01	Hạng mục hệ thống thoát mưa	2.143m ống BTCT	
02	Hạng mục thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải	848 MD Ống PVC Φ 300; 62 hố gas; Trạm xử lý nước thải công suất 400 m ³ /ngày đêm	
03	Hệ thống xử lý mùi hôi	01 hệ thống	
04	Kho chứa rác thải tại từng tầng chung cư	07 kho	
05	Kho tập kết rác tại tầng bán hầm chung cư	01 kho	
06	Kho chứa chất thải nguy hại	01 kho	
07	Hồ sục cố	400 m ³	
Hạng mục công trình phụ trợ			
01	Cây xanh	515 cây	

Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo ĐTM; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Hoạt động	Các thành phần thực hiện	Các nguồn gây tác động
I. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng		
- Phát quang, san ủi, đào đắp san lấp mặt	- Máy móc thiết bị. - Nguyên, nhiên vật liệu: dầu DO,	- Bụi từ quá trình phát quang, dọn dẹp thực bì. - Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp, san lấp mặt bằng, do hoạt động của máy móc.



Hoạt động	Các thành phần thực hiện	Các nguồn gây tác động
bằng.	xăng... - Công nhân thực hiện: 20 người.	- Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân tạo ra. - Nước thải sinh hoạt do công nhân tạo ra. - Nước mưa chảy tràn.
II. Giai đoạn thi công xây dựng		
- Tạo nền móng. - Xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật. - Hoàn chỉnh công trình. Dọn dẹp công trình.	- Máy móc thiết bị - Nguyên vật liệu, năng lượng: xi măng, cát vàng, đá, vôi, gạch, sơn, sắt thép, điện, dầu DO, nhớt, xăng... - Nhân công: 50 người	- Bụi, khí thải từ các xe tải vận chuyển vật liệu xây dựng,... - Bụi, khí thải từ các máy móc phục vụ thi công xây dựng: búa máy, gia nhiệt, cắt hàn,... - Chất thải rắn của công nhân thi công và xây dựng. - Nước thải từ công nhân thi công và nước mưa chảy tràn. - Các sự cố, rủi ro môi trường.
III. Giai đoạn hoạt động		
- Hoạt động sinh hoạt của dân cư... - Phương tiện giao thông đi lại. - Hoạt động của các khu kỹ thuật	- Phương tiện giao thông, máy phát điện,... - Nguyên vật liệu, năng lượng: điện, dầu DO, nhớt - Số người: 2.268 người	- Hoạt động của xe cộ, máy phát điện... làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn. - Chất thải rắn phát sinh từ rác thải sinh hoạt hàng ngày từ các khu vực dịch vụ - thương mại. Khối lượng phát sinh khoảng 2.041 kg/ngày. - Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Lưu lượng nước thải phát sinh: 340m ³ /ngày đêm.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,25m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS)....

Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công dự án với lưu lượng khoảng 0,5m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (TSS),...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân phát sinh khoảng 340 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: BOD₅; chất rắn lơ lửng (TSS); chất rắn hòa tan; sunfua; amoni; nitrat (NO₃⁻); dầu mỡ động, thực vật; các chất hoạt động bề mặt; phosphat (PO₄³⁻); Coliforms...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu; các hoạt động đào đắp, san nền; hoạt động của máy móc phục vụ thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO...

2.3.2. Giai đoạn hoạt động

Khí thải từ các hoạt động giao thông vận tải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO_x, NO_x....

Khí thải từ máy phát điện dự phòng;

Mùi hôi do phân hủy nước thải tại các hố ga, khu vệ sinh, hệ thống xử lý nước thải.... Thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoniac, H₂S, mercaptan...

Mùi sinh ra do các hoạt động nấu ăn.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải xây dựng: từ các hoạt động thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục công trình bao gồm xi măng, cát đá rơi vãi, vữa, ván gỗ, sắt,... ước tính khối lượng khoảng 15 tấn.

Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 25 kg/ngày. Thành phần: thực phẩm thừa, bao nylon, vỏ lon, chai lọ thủy tinh,...

2.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng 2.041kg/ngày. Thành phần: thức ăn thừa, bao nylon, vỏ chai nhựa, thủy tinh...

2. 5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

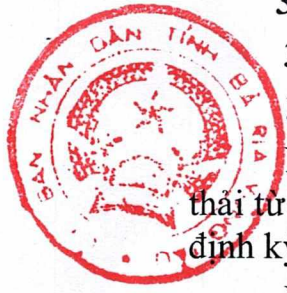
2.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công chủ yếu do vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy thi công phát sinh khoảng 45kg/tháng. Thành phần: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng sơn, que hàn,...

2.5.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu dân cư khoảng 200 kg/năm. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị điện,...

2.6. Quy mô, tính chất các tác động môi trường khác: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị,...



3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Đối với nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

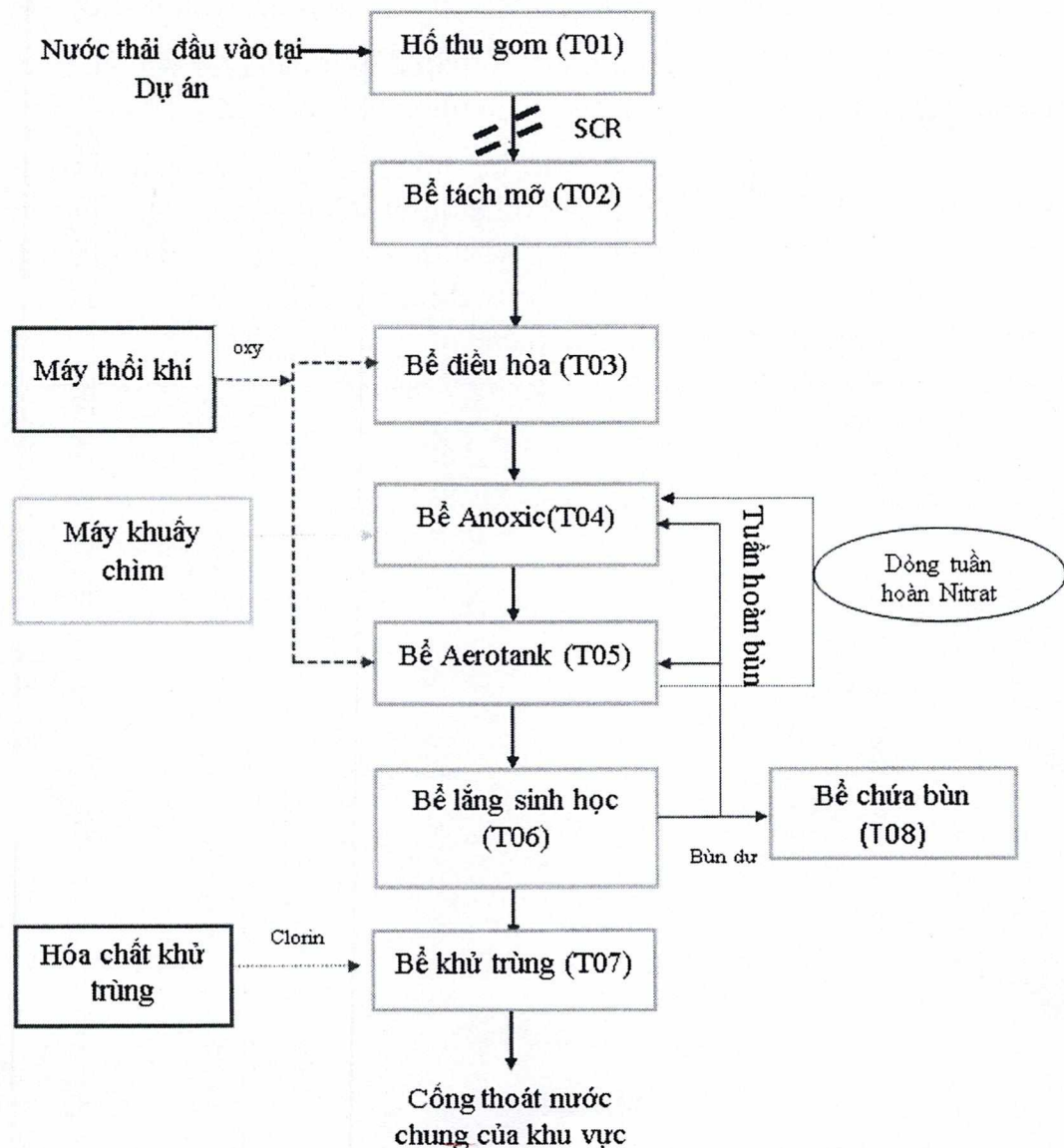
Nước thải sinh hoạt: trang bị 02 nhà vệ sinh di động cho công nhân, chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, xử lý định kỳ.

Nước thải xây dựng: nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom tạm, xử lý qua hố lắng để lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải từ nhà vệ sinh, tắm giặt theo hệ thống cống thoát đưa về xử lý tại bể tự hoại, sau đó sẽ theo cống đầu nối vào tuyến thu gom và xử lý nước thải tập trung tại trạm xử lý nước thải của dự án với công suất 400m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt chất lượng cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được thoát ra cống thoát nước chung của khu vực theo quy hoạch được phê duyệt.

Sơ đồ quy trình xử lý nước thải



3.2. Đối với bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Sử dụng các loại phương tiện đúng chủng loại, phương tiện được phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

Các tổ, đội thi công có trách nhiệm tưới nước thường xuyên để giảm bụi trên các tuyến đường vận chuyển với tần suất 1 lần/ngày vào mùa mưa và 4 -5 lần/ngày vào mùa khô trên tuyến liên huyện bắt đầu từ 9 giờ đến 6 giờ chiều.

Thành lập đội vệ sinh, tiến hành dọn vệ sinh hàng ngày vào các giờ quy định trong khu vực dự án và tuyến đường ra vào dự án để hạn chế chất thải rắn và các vật liệu xây dựng vương vãi trên công trường...

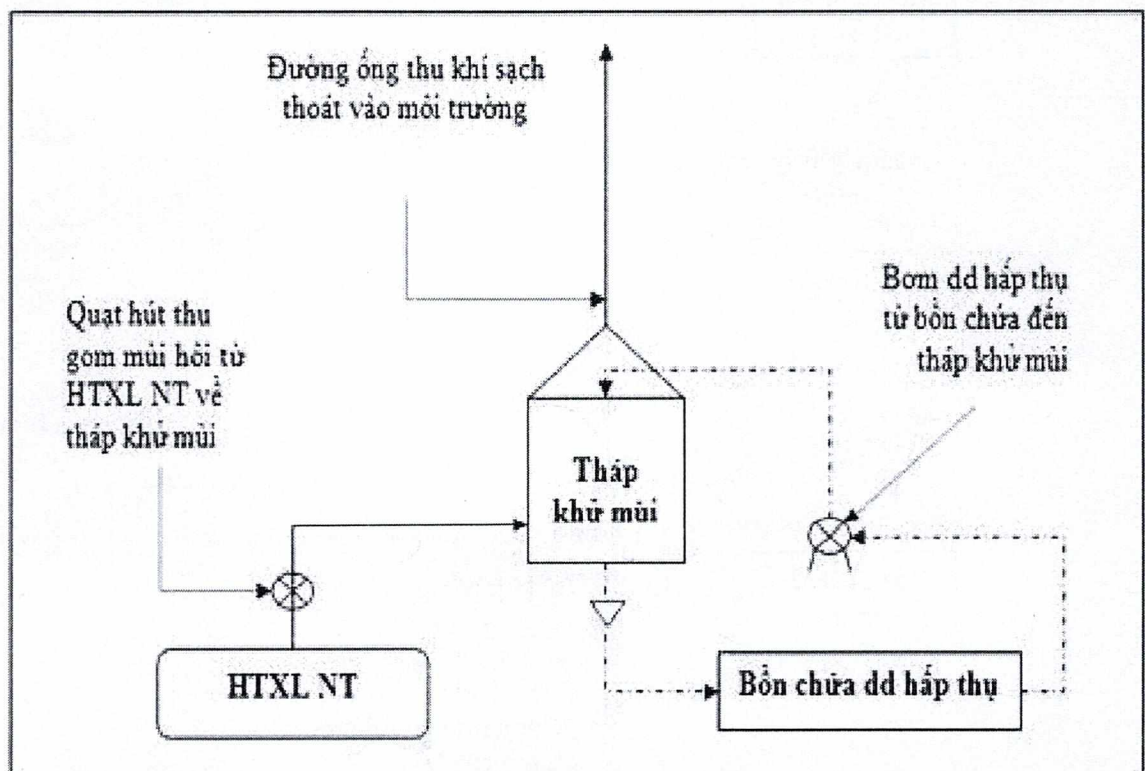
Trong quá trình thi công từng hạng mục công trình cần phải có tấm lưới xanh che chắn từ thấp tới cao để giảm thiểu bụi dưới tác động gió.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

Phủ kín các bãi trồng bằng cỏ và cây xanh nhằm điều hòa các yếu tố vi khí hậu, giảm ồn, hấp thụ khói bụi, và các hợp chất độc hại trong khói thải,... Đặt biển báo hạn chế tốc độ khi các xe lưu thông trong khuôn viên khu dân cư.

Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực công cộng, không để rác thải tràn lan, bừa bãi trên đường phố, công viên,...

Đối với mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi bằng tháp hấp thụ cho hệ thống xử lý nước thải công suất 800m³/h (công suất quạt hút). Hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt tại vị trí đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh theo quy định và trồng dải cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải hạn chế phát tán mùi hôi.





3.3. Đối với chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom bằng các thùng chứa rác có nắp đậy kín, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

Chất thải xây dựng: Các loại cốt pha bằng gỗ được bán để làm nguyên liệu đốt; Các loại sắt thép vụn được thu gom lại và bán cho các cơ sở tái chế; Các loại rác khác như bao giấy (bao xi măng) thùng nhựa, dây nhựa sẽ được tách riêng để chuyển cho các cơ sở tái chế.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải sinh hoạt: Đối với rác thải từ nhà dân khu dân cư, bố trí khoảng 10 thùng rác loại 250L tại các ngã 3, ngã 4 trong khu dân cư để thu gom. Đội vệ sinh môi trường huyện thu gom rác đô thị với tần suất 2 ngày/lần.

Đối với rác thải từ khu vực chung cư thấp tầng: Bố trí mỗi tầng có 1 khu chứa rác thải chung, bố trí 2 thùng chứa có nắp đậy dung tích $0,5\text{m}^3$ /thùng. Diện tích khu chứa từng tầng khoảng 20m^2 . Hằng ngày thu gom thông qua hệ thống thang máy sau đó tập kết tại tầng bán hầm có diện tích khoảng 40m^2 . Hằng ngày nhân viên vệ sinh sẽ thực hiện thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

Đối với loại chất thải có thể tái chế, nhân viên thu gom sẽ chuyển giao cho các cơ sở có nhu cầu tái chế nhằm giảm bớt lượng CTR phải xử lý và mang lại lợi ích kinh tế.

Chất thải khác: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom đưa đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Đối với chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý CTNH.

Lưu giữ bằng các thiết bị bảo đảm quy định như thùng phuy 60 lít (2 thùng)... bên ngoài có dán mác phân loại CTNH, có bánh xe thuận tiện cho di chuyển.

Diện tích kho chứa: 20m^2 . Số lượng 1 kho.

Thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh tại khu dân cư sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với khu chung cư thấp tầng: Bố trí kho chứa chất thải nguy hại tại tầng bán hầm có diện tích khoảng 20m^2 ; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. Đối với tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông: Tuyến đường vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép.

Đối với các thiết bị gây ồn: sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế các linh kiện xuống cấp.

3.5.2. Giai đoạn hoạt động

Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe bên trong khu dân cư.

Bố trí xây dựng đúng theo quy hoạch được phê duyệt.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình xử lý nước thải.

Bảo đảm vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra. Hồ sự cố có dung tích 400 m³ đặt gần trạm xử lý nước thải tập trung.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra thay thế các vật liệu lọc, bảo dưỡng thiết bị đường ống theo đúng định kỳ.

- Khi gặp phải sự cố hệ thống khí thải xử lý không đạt thì chủ dự án phải tạm thời dừng vận hành trạm xử lý nước thải để sửa chữa hệ thống khí thải trong thời gian nhanh nhất sau đó vận hành lại toàn bộ trạm.

* Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố (an toàn cháy nổ,...) theo đúng các quy định liên quan.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án



STT	Tên hạng mục	Khối lượng theo thiết kế
01	Hạng mục hệ thống thoát mưa	2.143 m ống BTCT
02	Hạng mục thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải	848 MD Ống PVC Φ 300; 62 hồ gas; Trạm xử lý nước thải công suất 400 m ³ /ngày đêm
03	Hệ thống xử lý mùi hôi	01 hệ thống
04	Kho chứa rác thải tại từng tầng chung cư	07 kho
05	Kho tập kết rác tại tầng bán hầm chung cư	01 kho
06	Kho chứa chất thải nguy hại	01 kho
07	Hồ sự cố	400 m ³

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát và quy chuẩn so sánh
1	Chất lượng không khí	03 tháng/lần	Vị trí giám sát: (03 vị trí) 01 vị trí tại khu vực tập kết nguyên vật liệu (gần cổng ra vào dự án); 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng (trung tâm dự án) 01 vị trí gần khu vực dân cư khu Lan Anh 7 hiện hữu.	Bụi lơ lửng tổng số (TSP), NO ₂ , SO ₂ , CO, độ ồn, rung (QCVN05:2013/BTNMT; QCVN26:2010/BTNMT; QCVN27:2010/BTNMT)
2	Chất thải rắn, nguy hại	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường, nguy hại và xây dựng	Khối lượng, chủng loại

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

5.3.1. Giám sát nước thải

Thông số: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat; Tổng Coliform.

Vị trí giám sát: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

5.3.2. Giám sát khí thải sau hệ thống xử lý mùi

Thông số: Lưu lượng, NH₃, H₂S, Mercaptan.

Vị trí giám sát: Ống thoát sau hệ thống xử lý mùi hôi.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

Quy chuẩn: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn, CTNH

Thông số: Khối lượng, chủng loại, việc chuyển giao.

Vị trí: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

Tần suất: Thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

6.2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của UBND huyện Châu Đức và tiến độ, thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.



6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án không được lấn dòng, không làm cản trở dòng chảy của suối Sông Cầu; kiểm tra, giám sát triệt để hoạt động dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác, đặc biệt là suối Sông Cầu.

6.4. Không được vận chuyển đất, đá dôi dư ra khỏi khu vực dự án khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện vận chuyển, đổ thải chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành và phương án, vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

6.5. Chỉ được đi vào vận hành sau khi đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

6.6. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

6.7. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.8. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.9. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.10. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND xã Nghĩa Thành, UBND huyện Châu Đức, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường đúng theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.12. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.